

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTCK

tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, số Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 8 tháng 4 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một (1) chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một (1) chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là: 52 người (31 tháng 12 năm 2016: 58 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư 210, Thông tư 334 và Thông tư 146 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 *Kỳ kế toán*

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán 2015") với hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, khi xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể được xác định lại một cách đáng tin cậy. Công ty đã áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ trên cơ sở phi hồi tố.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Thay đổi trong giá trị hợp lý được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Các tài sản tài chính FVTPL của Công ty gồm những cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM. Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Dự phòng trích lập cho các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu đến luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

3.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tăng/(giảm) giá trị hợp lý được ghi nhận vào các khoản thu nhập toàn diện khác.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, các tài sản tài chính AFS của Công ty bao gồm các chứng khoán vốn chưa niêm yết. Công ty cũng đánh giá hiện có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng suy giảm cho mỗi khoản đầu tư} = \left[\begin{array}{l} \text{Tổng vốn đầu tư} \\ \text{thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực có} \\ \text{của tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của} \\ \text{mỗi bên}}{\text{Tổng số vốn đầu tư} \\ \text{thực tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức kinh tế}}$$

3.7 Giá trị hợp lý, giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.9 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện trên khoản mục "*Chi phí quản lý*" trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.10 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 năm
Phần mềm	3 - 15 năm

3.13 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến mười bảy (17) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo trì hệ thống; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Lợi ích của nhân viên

3.16.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.16.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của sáu tháng liền kề của người lao động trước khi thôi việc.

3.16.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

3.20 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả thu nhập toàn diện ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 *Thuế thu nhập doanh nghiệp* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả thu nhập toàn diện ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.22 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghịệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3.23 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tiền	45.261.239.940	24.474.648.622
Tiền mặt tại quỹ	1.131.498.677	938.049.282
- Đô la Mỹ	30.741.930	30.741.930
- Việt Nam đồng	1.100.756.747	907.307.352
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động kinh doanh (i)	44.129.741.263	23.536.599.340
Các khoản tương đương tiền (ii)	84.200.000.000	76.100.000.000
Tổng cộng	129.461.239.940	100.574.648.622

(i) Khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017 theo xác nhận số dư của ngân hàng là 52.592.357.836 VND. Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định, Công ty đã kết chuyển số tiền 8.462.616.573 VND trên tài khoản này vào tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư để thanh toán các giao dịch ký quỹ vào thời điểm cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

(ii) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TNHH Indovina có kỳ hạn một tháng với mức lãi suất là 4,8%/năm và tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) có kỳ hạn ba tháng với mức lãi suất là 4,8%/năm.

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	2.292.116	53.055.356.300
- Trái phiếu	26	5.200.000.000
- Chứng khoán khác	15.688	67.397.486
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	237.784.654	3.391.645.734.100
Tổng cộng	240.092.484	3.449.968.487.886

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đánh giá lại VND
Cổ phiếu niêm yết	56.838.086.946	48.703.172.370	48.703.172.370	79.891.891.637	68.554.598.130	62.910.379.852
Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM và cổ phiếu chưa niêm yết	15.066.856.660	13.508.497.100	13.508.497.100	11.947.803.250	11.485.872.400	10.443.933.300
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	1.865.260.750	-	-	1.865.689.600	-	-
Tổng cộng	73.770.204.356	62.211.669.470	62.211.669.470	93.705.384.487	80.040.470.530	73.354.313.152

Giá trị đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không bao gồm số chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính vì Luật kế toán 2015 chỉ cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

6.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị đánh giá lại VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	51.809.354.000	(7.920.000.000)	43.889.354.000	51.876.751.486	(7.920.000.000)	43.956.751.486

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính theo quy định của Thông tư 334 và Luật kế toán năm 2015, Công ty đã phân loại lại khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS từ chỉ tiêu chênh lệch đánh giá giảm sang chỉ tiêu dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000

6.4 Các khoản cho vay

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	104.203.554.303	104.203.554.303	80.502.870.503	80.502.870.503
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	22.350.823.372	22.350.823.372	40.622.838.889	40.622.838.889
Cho vay hợp tác đầu tư	5.481.099.602	-	5.536.502.248	-
Tổng cộng	132.035.477.277	126.554.377.675	126.662.211.640	121.125.709.392

Khoản cho vay hợp tác đầu tư phát sinh từ các năm trước và đã được trích lập dự phòng 100% số dư các khoản này (Thuyết minh 6.6).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2017						Ngày 31 tháng 12 năm 2016							
	Chênh lệch đánh giá			Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch đánh giá			Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND	
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND				Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND					
FVTPL														
Cổ phiếu														
1 Cổ phiếu niêm yết														
DPM	10.205.012.110	-	3.131.512.110	7.073.500.000	10.264.442.110	6.760.875.000	3.503.567.110	-	6.760.875.000	13.219.814.300	-	13.219.814.300		
MCC	7.784.594.300	4.669.700	-	7.789.264.000	13.219.814.300	15.367.712.000	2.147.897.700	-	15.367.712.000	4.326.185.400	2.239.573.980	4.326.185.400		
PET	6.586.447.265	-	1.416.616.515	5.169.830.750	6.565.759.380	4.326.185.400	-	-	4.326.185.400	6.514.025.820	-	6.514.025.820		
ACC	6.163.433.820	1.668.618.180	-	7.832.052.000	7.832.052.000	9.503.856.000	2.989.830.180	-	9.503.856.000	2.263.821.120	-	2.263.821.120		
HAR	4.803.754.345	-	1.410.120.745	3.393.633.600	5.098.031.845	3.020.253.840	-	-	3.020.253.840	3.568.224.000	-	3.568.224.000		
BCE	4.673.364.535	-	1.632.840.535	3.040.524.000	4.673.364.535	3.568.224.000	-	-	3.568.224.000	1.391.112.350	-	1.391.112.350		
DRC	4.043.995.670	-	518.271.320	3.525.724.350	4.105.798.170	3.568.224.000	-	-	3.568.224.000	1.795.515.960	-	1.795.515.960		
HAG	3.102.018.240	-	1.348.208.760	1.753.809.480	4.359.953.600	1.391.112.350	-	-	1.391.112.350	887.057.394	-	887.057.394		
ITA	2.563.367.394	-	886.336.194	1.677.031.200	2.682.573.354	1.795.515.960	-	-	1.795.515.960	353.459.900	-	353.459.900		
NNC	1.901.163.400	62.600.600	-	1.963.764.000	3.560.330.900	3.206.871.000	-	-	3.206.871.000	621.354.280	-	621.354.280		
TDC	1.508.304.720	-	148.304.720	1.360.000.000	1.799.230.280	1.177.876.000	-	-	1.177.876.000	2.982.170.400	-	2.982.170.400		
BID	1.216.880.170	102.836.630	-	1.319.716.800	3.999.679.690	2.982.170.400	-	-	2.982.170.400	65.754.820	-	65.754.820		
VCB	1.149.333.045	44.359.455	-	1.193.692.500	2.334.696.620	2.268.941.800	-	-	2.268.941.800	437.218.855	-	437.218.855		
REE	775.966.695	405.091.605	-	1.181.058.300	4.443.653.695	4.880.872.550	-	-	4.880.872.550	69.271.543	-	69.271.543		
Khác	360.451.237	101.975.062	32.854.909	429.571.390	6.270.537.338	6.040.310.710	-	-	6.040.310.710	16.981.511.785	5.644.218.278	16.981.511.785	62.910.379.852	
	56.838.086.946	2.390.151.232	10.525.065.808	48.703.172.370	79.891.891.637	68.554.598.130	5.644.218.278	16.981.511.785	68.554.598.130	5.644.218.278	16.981.511.785	62.910.379.852		

Giá trị đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không bao gồm số chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính vì Luật kế toán 2015 chỉ cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính (tiếp theo)

Các loại tài sản tài chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại VND	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại VND
		Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND			Chênh lệch giảm VND	Giá trị hợp lý VND	
FVTPL (tiếp theo)								
Cổ phiếu (tiếp theo)								
2. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM và cổ phiếu chưa niêm yết								
Công ty CP Dược Becamex	5.586.650.600	3.022.400.000	-	2.564.250.600	3.022.400.000	5.586.650.600	4.646.940.000	4.646.940.000
Công ty CP Khoáng sản Becamex	4.388.121.100	6.192.015.800	1.803.894.700	-	6.192.015.800	3.977.001.100	4.979.707.200	1.002.706.100
Phát triển Đô Thị	2.000.554.400	1.854.520.000	-	146.034.400	1.854.520.000	1.216.703.500	1.255.310.000	1.216.703.500
Tổng công ty hàng không VN	1.920.876.000	1.722.500.000	-	198.376.000	1.722.500.000	-	-	-
Công ty CP Điện tử Biên Hòa	1.160.000.000	710.000.000	-	450.000.000	710.000.000	1.160.000.000	600.000.000	600.000.000
Nước Giải Khát Sài Gòn	972.722.380	-	-	972.722.380	-	972.722.380	-	-
Công ty CP Bông Bạch Tuyết	888.030.160	-	-	888.030.160	-	888.030.160	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	15.162.770	7.061.300	611.290	8.712.760	7.061.300	12.385.110	3.915.200	9.096.410
	16.932.117.410	13.508.497.100	1.804.505.990	5.228.126.300	13.508.497.100	13.813.492.850	11.485.872.400	10.443.933.300
	73.770.204.356	62.211.669.470	4.194.657.222	15.753.192.108	62.211.669.470	93.705.384.487	80.040.470.530	73.354.313.152
Tổng cộng								

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.6 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

STT	Loại TSTC	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng				Số dự phòng hoàn nhập trong kỳ VND
			Giá số sách kế toán VND	Giá trị đánh giá lại tại thời điểm lập BCTC VND	Giá trị lập dự phòng tại ngày 30/6/2017 VND	Giá trị lập dự phòng tại ngày 31/12/2016 VND	
I	TSTC cho vay						
1	Cho vay giao dịch kỳ quỹ	-	104.203.554.303	104.203.554.303	-	-	-
2	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	-	22.350.823.372	22.350.823.372	-	-	-
3	Cho vay hợp tác đầu tư	-	5.481.099.602	-	5.481.099.602	5.536.502.248	55.402.646
II	TSTC AFS						
	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	51.809.354.000	43.889.354.000	7.920.000.000	7.920.000.000	-
	Tổng cộng	-	183.844.831.277	170.443.731.675	13.401.099.602	13.456.502.248	55.402.646

Bảng sau trình bày chi tiết các khoản dự phòng suy giảm tài sản tài chính:

	Giá gốc tại ngày 31/12/2016 VND		Số dự phòng tại ngày 31/12/2016 VND		Số dự phòng giảm tại sản tài chính: VND		Số dự phòng tại ngày 30/6/2017 VND		Giá gốc tại ngày 30/6/2017 VND	
	Giá gốc tại ngày 31/12/2016 VND	Số dự phòng tại ngày 31/12/2016 VND	Số dự phòng trích lập trong kỳ VND	Số dự phòng trong kỳ VND	Số dự phòng hoàn nhập trong kỳ VND	Số dự phòng tại ngày 30/6/2017 VND	Số dự phòng tại ngày 30/6/2017 VND	Giá gốc tại ngày 30/6/2017 VND		
Cho vay hợp tác đầu tư										
Đoàn Thanh Thủy	4.519.648.411	4.519.648.411	-	-	44.290.800	4.475.357.611	4.475.357.611	4.475.357.611	4.475.357.611	4.475.357.611
Trương Tuấn Dân	659.626.537	659.626.537	-	-	10.108.046	649.518.491	649.518.491	649.518.491	649.518.491	649.518.491
Mai Thị Hồng	300.740.150	300.740.150	-	-	1.003.800	299.736.350	299.736.350	299.736.350	299.736.350	299.736.350
Nguyễn Thị Hồng Phụng	56.487.150	56.487.150	-	-	-	56.487.150	56.487.150	56.487.150	56.487.150	56.487.150
	5.536.502.248	5.536.502.248	-	-	55.402.646	5.481.099.602	5.481.099.602	5.481.099.602	5.481.099.602	5.481.099.602
TCTS AFS										
Công ty Cổ phần Bột mì Bình An	7.920.000.000	7.920.000.000	-	-	-	7.920.000.000	7.920.000.000	7.920.000.000	7.920.000.000	7.920.000.000
Tổng cộng	13.456.502.248	13.456.502.248	-	-	55.402.646	13.401.099.602	13.401.099.602	13.401.099.602	13.401.099.602	13.401.099.602

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	400.000.000	58.000.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính	307.506.668	478.221.089
Phải thu khác	59.213.312	627.313.487
Tổng cộng	766.719.980	1.163.534.576

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Trả trước tiền thuê văn phòng	437.386.704	437.386.704
Chi phí trả trước đồng phục cho nhân viên	195.750.000	65.500.003
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	561.349.419	346.678.901
Tổng cộng	1.194.486.123	849.565.608

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	12.133.175.000	7.365.534.399	3.264.090.696	695.857.797	23.458.657.892
Mua trong kỳ	-	33.000.000	-	-	33.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	12.133.175.000	7.398.534.399	3.264.090.696	695.857.797	23.491.657.892
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.013.805.707	7.349.305.369	2.366.799.812	695.857.797	15.425.768.685
Khấu hao trong kỳ	242.603.502	16.229.030	77.225.958	-	336.058.490
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	5.256.409.209	7.365.534.399	2.444.025.770	695.857.797	15.761.827.175
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.119.369.293	16.229.030	897.290.884	-	8.032.889.207
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	6.876.765.791	33.000.000	820.064.926	-	7.729.830.717

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
9.764.457.311	9.764.457.311

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>	
Nguyên giá		
Ngày 1 tháng 1 năm 2017		8.787.545.031
Ngày 30 tháng 6 năm 2017		8.787.545.031
Hao mòn lũy kế		
Ngày 1 tháng 1 năm 2017		7.824.188.513
Hao mòn trong kỳ		154.563.204
Ngày 30 tháng 6 năm 2017		7.978.751.717
Giá trị còn lại		
Ngày 1 tháng 1 năm 2017		963.356.518
Ngày 30 tháng 6 năm 2017		808.793.314
Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:		
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.241.913.031	7.241.913.031

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	8.135.885.909	7.563.226.842
Tiền lãi phân bổ	394.545.377	856.140.638
Tổng cộng	8.650.431.286	8.539.367.480

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

12. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	140.953.478	190.673.498
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	-	83.529.111
Tổng cộng	140.953.478	274.202.609

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Công ty TNHH Giải pháp Freewill (Thái Lan)	61.432.200	61.432.200
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản	-	300.000.000
Khác	301.130.000	151.130.000
Tổng cộng	362.562.200	512.562.200

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước như sau:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Phải trả/ (Tạm ứng) tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	13.174.931	87.771.386	(53.325.514)	47.620.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp	143.653.651	2.995.237.498	(884.603.414)	2.254.287.735
Thuế thu nhập cá nhân	300.877.446	2.037.665.606	(2.099.105.106)	239.437.946
- Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên công ty	(511.326)	45.720.386	(49.693.567)	(4.484.507)
- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	301.388.772	1.991.945.220	(2.049.411.539)	243.922.453
Các khoản phí, lệ phí	1.258.388	11.595.214	(11.452.984)	1.400.618
Tổng cộng	458.964.416	5.132.269.704	(3.048.487.018)	2.542.747.102

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19.310.031.407	10.966.699
Trong đó:		
- Khoản phải trả xử lý tồn thất	18.923.933.396	-

Đây là khoản phải trả liên quan đến xử lý tồn thất đã hoàn tất xử lý theo nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/BBHĐQT-2017 ngày 24 tháng 7 năm 2017 và sẽ trình cho Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua trong lần họp sắp tới.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

	<i>Số lượng cổ phần Đơn vị</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu %</i>
Công ty YuanTa Securities Asia Financial Services	13.403.600	134.036.000.000	44,68%
Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp BECAMEX	11.144.578	111.445.780.000	37,15%
Ông Lê Minh Tâm	5.437.322	54.373.220.000	18,12%
Cổ đông khác	14.500	145.000.000	0,05%
	30.000.000	300.000.000.000	100,00%

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Đơn vị</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Đơn vị</i>
Số lượng cổ phần được phép phát hành <i>Cổ phiếu thường</i>	30.000.000 30.000.000	30.000.000 30.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ <i>Cổ phiếu thường</i>	30.000.000 30.000.000	30.000.000 30.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành <i>Cổ phiếu thường</i>	30.000.000 30.000.000	30.000.000 30.000.000

16.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Số đầu kỳ	30.544.449.261	35.454.209.306
Lãi thuần trong kỳ	13.406.589.074	18.867.577.553
Chia cổ tức	-	(9.000.000.000)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	(818.590.586)
Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	(818.590.586)
Xử lý tổn thất (*)	(14.099.427.194)	-
Số cuối kỳ	29.851.611.141	43.684.605.687

(*) Đây là khoản xử lý tổn thất phát sinh từ các năm trước được phát hiện trong kỳ đã được Hội đồng quản trị của Công ty phê duyệt theo nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/BBHĐQT-2017 ngày 24 tháng 7 năm 2017 và sẽ được trình lên Đại hội đồng cổ đông của Công ty để thông qua trong lần họp sắp tới.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

17. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

17.1 Ngoại tệ các loại

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 USD	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 USD
Đô la Mỹ	1.458	1.458

17.2 Cổ phiếu đang lưu hành

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Loại ≤ 1 năm	300.000.000.000	300.000.000.000

17.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của Công ty

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Loại ≤ 1 năm	52.387.460.000	62.065.140.000

Chi tiết tài sản tài chính đã niêm yết, lưu ký tại VSD của Công ty như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	51.630.460.000	61.975.140.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	757.000.000	90.000.000
Tổng cộng	52.387.460.000	62.065.140.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

17. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	580.000	40.000

17.5 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Cổ phiếu	37.520.550.000	37.677.430.000
Trái phiếu	-	2.800.000.000
Tổng cộng	37.520.550.000	40.477.430.000

17.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.880.088.030.000	1.723.059.790.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	17.669.000.000	17.669.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa tạm giữ	9.829.530.000	9.829.530.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	25.483.800.000	24.141.100.000
Tổng cộng	1.933.070.360.000	1.774.699.420.000

17.7 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	13.688.640.000	8.146.070.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	338.340.000	282.900.000
Tổng cộng	14.026.980.000	8.428.970.000

17.8 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Cổ phiếu	13.645.000.000	14.195.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

17. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.9 Tiền gửi của khách hàng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	68.055.924.129	44.610.557.951
- Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	13.734.828.557	8.949.631.419
Tổng cộng	81.790.752.686	53.560.189.370

17.10 Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	243.361.573	232.857.514
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của tổ chức phát hành	6.754.268.705	6.886.316.243
Tổng cộng	6.997.630.278	7.119.173.757

17.11 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả nhà đầu tư - Tiền gửi của nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Của nhà đầu tư trong nước	68.055.924.129	44.610.557.951
- Của nhà đầu tư nước ngoài	13.734.828.557	8.949.631.419
Tổng cộng	81.790.752.686	53.560.189.370

17.12 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	243.361.573	232.857.514

17.13 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho nhà đầu tư	6.754.268.705	6.886.316.243

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

18.1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán kỳ này VND	Lỗ bán chứng khoán kỳ này VND	Lãi bán chứng khoán kỳ trước VND	Lỗ bán chứng khoán kỳ trước VND
1.	Cổ phiếu niêm yết							
	REE	220.500	6.689.200.000	5.135.587.000	1.553.613.000	-	-	-
	ACB	282.700	6.907.010.000	5.596.011.700	1.310.998.300	-	-	-
	KSB	77.550	4.429.473.000	3.719.241.420	853.128.580	(142.897.000)	10.811.516.630	-
	Cổ phiếu niêm yết khác	1.079.675	19.346.659.800	19.303.088.820	876.336.000	(832.765.020)	453.472.590	(424.180.060)
2.	Cổ phiếu chưa niêm yết							
	Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương	15.688	213.000.000	67.397.486	145.602.514	-	332.705.486	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	-	-	-	-	-	40.472.000	-
	Tổng cộng	1.676.113	37.585.342.800	33.821.326.426	4.739.678.394	(975.662.020)	11.638.166.706	(424.180.060)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.2. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số thuần chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 30/6/2017 VND	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2016 VND	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này VND
I	Loại FVTPL (Thuyết minh 6.5)					
1	Cổ phiếu niêm yết	56.838.086.946	48.703.172.370	(8.134.914.576)	(16.981.511.785)	8.846.597.209
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	16.932.117.410	13.508.497.100	(3.423.620.310)	(3.369.559.550)	(54.060.760)
	Tổng cộng	73.770.204.356	62.211.669.470	(11.558.534.886)	(20.351.071.335)	8.792.536.449
	Trong đó:					
	- Chênh lệch tăng đánh giá lại					10.766.882.455
	- Chênh lệch giảm đánh giá lại					(1.974.346.006)
	Tổng cộng	73.770.204.356	62.211.669.470	(11.558.534.886)	(20.351.071.335)	8.792.536.449

18.3. Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị lập dự phòng tại ngày 30/6/2017 VND	Giá trị lập dự phòng tại ngày 31/12/2016 VND	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này VND
I	Loại các khoản cho vay và phải thu (Thuyết minh 6.6)	132.035.477.277	126.554.377.675	(5.481.099.602)	(5.536.502.248)	55.402.646
II	Loại AFS (Thuyết minh 6.6)	51.809.354.000	43.889.354.000	(7.920.000.000)	(7.920.000.000)	-
	Tổng cộng	183.844.831.277	170.443.731.675	(13.401.099.602)	(13.456.502.248)	55.402.646

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

18. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.4. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính và các khoản cho vay và phải thu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Từ các khoản cho vay và phải thu	5.695.318.493	4.462.989.556
Từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.680.375.011	4.439.972.132
Từ tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn	1.746.161.420	2.934.562.157
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán	250.044.600	785.363.500
Tổng cộng	10.371.899.524	12.622.887.345

18.5. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.470.972.310	5.175.904.394
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	498.636.364	145.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	258.052.445	234.693.221
Doanh thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	4.048.603
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	514.077.507	700.528.568
Tổng cộng	7.741.738.626	6.260.174.786

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	5.360.723.196	5.327.546.352
- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương	2.235.827.854	2.132.881.380
- Chi phí giao dịch chứng khoán môi giới	1.026.886.056	942.192.885
- Khấu hao tài sản cố định	170.792.234	170.792.238
- Các chi phí khác hoạt động môi giới	1.927.217.052	2.081.679.849
Phí lưu ký chứng khoán cho khách hàng	408.831.637	457.300.224
Phí lưu ký chứng khoán cho hoạt động tự doanh	12.555.508	11.975.566
Tổng cộng	5.782.110.341	5.796.822.142

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Lương và các khoản phúc lợi	1.049.905.017	1.126.086.590
Chi phí xử lý tổn thất	4.824.506.202	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	632.138.021	437.895.814
Thù lao Hội đồng quản trị	352.000.000	384.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	319.829.460	319.829.460
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí Công đoàn	146.245.431	148.981.124
Chi phí khác	518.624.176	487.313.706
Tổng cộng	7.843.248.307	2.904.106.694

Chi phí xử lý tổn thất là khoản xử lý tổn thất phát sinh trong kỳ đã được Hội đồng quản trị của Công ty phê duyệt theo nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/BBHĐQT-2017 ngày 24 tháng 7 năm 2017 và sẽ được trình lên Đại hội đồng cổ đông của Công ty để thông qua trong lần họp sắp tới.

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

21.1 Thuế TNDN hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.240.758.016	22.288.717.155
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	3.448.151.603	4.457.743.431
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.425.015.365)	(1.045.067.126)
Cổ tức, lợi nhuận nhận được trong năm không chịu thuế	(586.083.921)	(1.045.067.126)
Chênh lệch đánh giá tăng tài sản FVTPL	(838.931.444)	-
Các khoản điều chỉnh tăng	964.901.240	-
Chi phí không được trừ	964.901.240	-
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	7.200.020	8.463.297
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.995.237.498	3.421.139.602

21.2 Thuế TNDN hoãn lại

	<i>Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
- Chênh lệch đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	838.931.444	-	838.931.444	-
Tổng cộng	838.931.444	-		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			838.931.444	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

22.1 *Nghệp vụ với các bên liên quan*

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - ▶ có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành của Công ty;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Bên liên quan

Công ty CP Bê tông Becamex (ACC)
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)
Công ty CP Phát triển Đô thị - Becamex (UDJ)
Công ty CP Khoáng sản Becamex (BMJ)
Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)
Công ty CP Dược Becamex (BCP)

Mối quan hệ

Công ty con của cổ đông lớn của Công ty (Becamex)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
		<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
		<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
		<i>năm 2017</i>	<i>năm 2016</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tổng công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp (IDC)	Phí tư vấn	363.636.364	-
Công ty CP Bê tông Becamex (ACC)	Bán chứng khoán	350.592.000	-
	Cổ tức nhận được	-	863.255.000
	Phí tư vấn	20.000.000	20.000.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)	Bán chứng khoán	61.300	-
	Phí tư vấn	30.000.000	30.000.000
Công ty CP Phát triển Đô thị - Becamex (UDJ)	Mua chứng khoán	1.133.010.000	-
	Bán chứng khoán	349.159.100	2.640.000
	Cổ tức nhận được	124.650.000	3.220.000
	Phí tư vấn	20.000.000	20.000.000
Công ty CP Khoáng sản Becamex (BMJ)	Mua chứng khoán	411.120.000	32.280.000
	Bán chứng khoán	27.200	22.968.000
	Cổ tức nhận được	559.519.500	411.735.600
	Phí tư vấn	15.000.000	15.000.000
Công ty CP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)	Mua chứng khoán	152.806.400	-
	Bán chứng khoán	443.731.960	-
Công ty cổ phần Dược Becamex (BCP)	Cổ tức nhận được	188.900.000	-
	Phí tư vấn	15.000.000	-
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao Hội đồng Quản trị và lương thưởng Ban Tổng giám đốc	1.191.699.254	1.776.843.823

Các khoản phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
		<i>năm 2017</i>	<i>năm 2016</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty CP Bê tông Becamex (ACC)	Cổ tức trả hộ	9.134.550	9.134.550
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)	Cổ tức trả hộ	374.622.145	374.622.145
Công ty CP Phát triển Đô thị - Becamex (UDJ)	Cổ tức trả hộ	61.950.000	61.950.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

22.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang ký kết hợp đồng thuê hoạt động của Văn phòng Chi nhánh Hà Nội tại số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội và hợp đồng thuê hoạt động của văn phòng trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Đến 1 năm	1.174.773.408	1.174.773.408
Trên 1 đến 5 năm	-	1.617.370.334
Tổng cộng	1.174.773.408	2.792.143.742

22.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	13.406.589.074	18.867.577.553
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu - đơn vị	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	447	629

Không có sự kiện nào ảnh hưởng đến sự pha loãng thu nhập trên cổ phiếu của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả liên quan đến các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng và đầu tư vào chứng khoán nợ có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể do phần lớn các tài sản và nợ phải trả của Công ty bằng VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và UPCoM của Công ty là 62.211.669.470 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 80.040.470.530 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 4.976.933.558 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.605.660.835 VND), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 4.976.933.558 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.039.615.082 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng do khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ tài trợ giao dịch chứng khoán và giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ khoản phải thu bị suy giảm như được trình bày dưới đây:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

	Quá hạn nhưng không bị suy giảm					Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Các khoản tương đương tiền	84.200.000.000	-	-	-	-	-	84.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	84.200.000.000	-	-	-	-	-	84.200.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản cho vay - Số gộp	126.554.377.675	-	-	-	-	5.481.099.602	132.035.477.277
Tài sản tài chính khác	1.209.224.540	-	-	-	-	-	1.209.224.540
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	307.506.668	-	-	-	-	-	307.506.668
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	442.504.560	-	-	-	-	-	442.504.560
Phải thu khác	459.213.312	-	-	-	-	-	459.213.312
TỔNG CỘNG	211.963.602.215	-	-	-	-	5.481.099.602	217.444.701.817

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	-	62.211.669.470	-	-	-	62.211.669.470
Cổ phiếu niêm yết	-	48.703.172.370	-	-	-	48.703.172.370
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	13.508.497.100	-	-	-	13.508.497.100
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	43.889.354.000	-	-	-	43.889.354.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	43.889.354.000	-	-	-	43.889.354.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Các khoản cho vay - Số gộp	5.481.099.602	-	126.554.377.675	-	-	132.035.477.277
Phải thu khác	-	-	766.719.980	442.504.560	8.650.431.286	9.859.655.826
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	45.261.239.940	84.200.000.000	-	-	129.461.239.940
Tổng cộng	5.481.099.602	151.362.263.410	211.521.097.655	442.504.560	8.650.431.286	377.457.396.513
NỢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoản	-	-	140.953.478	-	-	140.953.478
Phải trả người bán	-	-	362.562.200	-	-	362.562.200
Phải trả khác	-	-	19.310.031.407	-	-	19.310.031.407
Tổng cộng	-	-	19.813.547.085	-	-	19.813.547.085
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	5.481.099.602	151.362.263.410	191.707.550.570	442.504.560	8.650.431.286	357.643.849.428

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

22.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

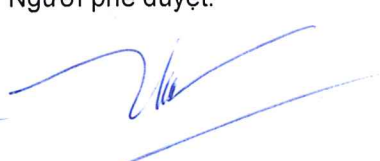
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động giữa niên độ của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Người phê duyệt:



Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017